

Phụ lục 4

Danh mục thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành năm 2025

(Đính kèm Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 11 năm 2025 của UBND tỉnh)

DVT: Đồng.

STT	Tên dự án	Giá trị CĐT đề nghị quyết toán	Giá trị thẩm tra quyết toán	Chênh lệch
	Tổng cộng	397.066.391.050	396.176.129.658	(890.261.392)
1	Xây dựng Cầu Ông Trung (Cầu Chi Chay) trên đường Tô Hạp - Sơn Bình, lý trình Km3+612,76-Km3+753,99 huyện Khánh Sơn	6.582.526.000	6.580.756.000	(1.770.000)
2	Sửa chữa đường ĐT 652G (Tỉnh lộ 5) Km0+800-Km2+900; Km4+150-Km5+050; Km7+000-Km8+500, thị xã Ninh Hòa	11.526.963.000	11.517.326.000	(9.637.000)
3	Sửa chữa đường Ba Cùm Nam, lý trình: Km5+300-Km7+663 huyện Khánh Sơn	5.665.853.000	5.665.026.000	(827.000)
4	Trụ sở làm việc Công an phường Ninh Hải, thị xã Ninh Hòa	2.461.691.000	2.439.661.000	(22.030.000)
5	Tu bổ di tích đền Hùng Vương	1.361.486.731	1.369.246.731	7.760.000
6	Nhà làm việc Ban CHQS huyện Khánh Vĩnh.	7.476.796.908	7.474.724.908	(2.072.000)
7	Lắp đặt hệ thống camera giám sát vận hành tại các hồ chứa nước do Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Khánh Hòa quản lý.	1.868.146.000	1.869.490.000	1.344.000
8	Tu bổ di tích đình Lập Định.	997.124.716	1.002.808.716	5.684.000
9	Tu bổ di tích rụ sở UBND Cách mạng lâm thời Ba Ngòi	1.220.479.017	1.227.436.017	6.957.000
10	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc cơ quan Thanh tra tỉnh	1.124.104.000	1.043.221.707	(80.882.293)
11	Cải tạo, sửa chữa Hội trường và nhà làm việc Liên hiệp các Tổ chức Hữu nghị tỉnh.	1.000.000.000	1.003.652.000	3.652.000
12	Cải tạo và mở rộng nhà vệ sinh học sinh trường THPT Trần Quý Cáp.	1.086.301.200	1.085.961.000	(340.200)
13	Sửa chữa, cải tạo khối hành chính (2 tầng) Trung tâm Giáo dục Thường xuyên và Hướng nghiệp Cam Ranh - Thành phố Cam Ranh.	1.125.634.900	1.125.285.000	(349.900)
14	Sửa chữa, cải tạo khối lớp học 21 phòng (3 tầng), khối phòng học bộ môn (2 tầng) trường THPT Lê Hồng Phong.	1.128.314.700	1.128.091.000	(223.700)
15	Sửa chữa, cải tạo khối phòng học bộ môn 4 phòng (2 tầng) trường THPT Hoàng Văn Thụ - thành phố Nha Trang.	1.127.365.400	1.127.111.000	(254.400)
16	Sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất Trường	3.180.210.814	3.144.954.007	(35.256.807)

STT	Tên dự án	Giá trị CĐT đề nghị quyết toán	Giá trị thẩm tra quyết toán	Chênh lệch
	Trung cấp nghề Cam Lâm			
17	Sửa chữa đường ĐT 657I (Nguyễn Tất Thành) Lý trình: Km0+036 - Km0+707 (bên trái); Km16+052 - Km16+780 (bên trái); Km16+322 - Km16+780 (bên phải) TP Nha Trang và huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa	5.283.439.000	5.278.965.000	(4.474.000)
18	Sửa chữa đường ĐT 651D (Tỉnh lộ 7) Lý trình K2+171-Km4+250 Thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa	4.606.880.000	4.603.928.000	(2.952.000)
19	Sửa chữa đường ĐT 656 (tỉnh lộ 3) Lý trình Km12+700-KM 15+ 350 huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa	5.729.711.000	5.727.525.000	(2.186.000)
20	Sửa chữa đường ĐT 652D (tỉnh lộ 1B) lý trình Km2+096-Km3+734 thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa	3.883.402.000	3.881.901.000	(1.501.000)
21	Sửa chữa đường ĐT 654B (Tỉnh lộ 8 B) lý trình Km6+700-Km12+300, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa	11.839.100.000	11.832.758.000	(6.342.000)
22	Sửa chữa khối lớp học (A) 12 phòng (3 tầng) Trường Trần Bình Trọng- huyện Cam Lâm	1.137.833.500	1.137.508.000	(325.500)
23	Sửa chữa đường ĐT 653 (tỉnh lộ 2) Lý trình Km7+739- Km10+721;Km 13+226-Km13+736, huyện Diên Khánh	10.768.263.000	10.760.385.000	(7.878.000)
24	Sửa chữa đường ĐT 651E (Xuân Sơn) lý trình Km4+026-Km7+100, huyện Vạn Ninh	8.339.140.000	8.337.875.000	(1.265.000)
25	Sửa chữa đường ĐT.657K (đường lên KDL Yersin), lý trình Km9-Km11+990, huyện Cam Lâm	8.747.799.000	8.747.137.000	(662.000)
26	Sửa chữa đường Xóm Mới- Cam Thịnh Tây, lý trình Km0+000-Km4+500, TP Cam Ranh	10.234.260.000	10.229.064.000	(5.196.000)
27	Sửa chữa ĐT 653D (Hương lộ 62) lý trình Km5+242-Km11+072, huyện Diên Khánh và Khánh Vĩnh	10.016.545.000	10.010.182.000	(6.363.000)
28	Gia cố lung Xi phong Suối Dầu, xã Bình Lộc, huyện Diên Khánh	2.948.514.000	2.948.221.000	(293.000)
29	Sửa chữa kênh và công trình trên kênh N1A Bắc - Đập dâng Đá Trắng.	2.321.406.369	2.320.968.000	(438.369)
30	Trụ sở làm việc công an xã Suối Hiệp.	5.225.987.000	5.239.998.000	14.011.000
31	Trụ sở làm việc công an xã Diên Phú.	4.754.714.000	4.767.491.000	12.777.000
32	Sửa chữa, cải tạo Trạm Kiểm soát biên phòng Vạn Giã.	1.270.752.000	1.277.995.000	7.243.000
33	Sửa chữa mái hạ lưu hồ chứa nước Hoa Sơn (phần còn lại).	14.154.409.473	14.152.457.000	(1.952.473)

STT	Tên dự án	Giá trị CĐT đề nghị quyết toán	Giá trị thẩm tra quyết toán	Chênh lệch
34	Sửa chữa tràn xả sâu trên kênh chính - Đập dâng Suối Rễ.	992.445.640	992.405.000	(40.640)
35	Cải tạo và nâng cấp nhà vệ sinh học sinh Trường THPT Tôn Đức Thắng.	890.141.300	889.863.000	(278.300)
36	Sửa chữa, cải tạo khối lớp học 11 phòng (2 tầng), cải tạo và nâng cấp đoạn tường rào Trường THPT Ngô Gia Tự.	1.126.282.700	1.125.971.000	(311.700)
37	Sửa chữa, cải tạo khối lớp học 18 phòng (2 tầng) Trường THPT Phan Bội Châu.	2.778.805.900	2.773.002.000	(5.803.900)
38	Sửa chữa đường DT.656 (Tỉnh lộ 9). Lý trình Km40+818 - Km42+618, xã Sơn Hiệp, huyện Khánh Sơn.	6.089.912.000	6.096.656.000	6.744.000
39	Sửa chữa đường ĐT 651D (Tỉnh lộ 7) Địa điểm: Km5+587; Km6+800 - Km8+300, xã Ninh Sơn, thị xã Ninh Hòa.	5.336.116.000	5.333.370.000	(2.746.000)
40	Trụ sở làm việc công an xã Diên An, huyện Diên Khánh.	4.686.117.000	4.698.584.000	12.467.000
41	Trụ sở làm việc công an xã Khánh Bình, huyện Khánh Vĩnh.	4.871.113.000	4.883.841.000	12.728.000
42	Sửa chữa Xi phông số 2 và số 3 kênh chính Nam Suối Dầu, xã Suối Tân và Cam Tân, huyện Cam Lâm.	1.148.957.500	1.148.957.500	-
43	Sửa chữa kênh và công trình trên kênh N1A Nam - Đập dâng Đá Trắng, xã Vạn Hưng, huyện Vạn Ninh.	3.163.850.514	3.163.662.000	(188.514)
44	Sửa chữa công đầu kênh và kênh chính - Đập dâng Bến Bắp, phường Ninh Giang, thị xã Ninh Hòa.	2.253.269.963	2.253.012.000	(257.963)
45	Sửa chữa Cầu Máng - Trạm bơm Vĩnh Phương, xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang.	715.751.612	715.751.612	-
46	Sửa chữa mái bảo vệ bờ tả hạ lưu Đập Cùmg, xã Ninh Thượng, thị xã Ninh Hòa.	1.088.425.497	1.088.425.497	-
47	Sửa chữa mái hạ lưu hồ chứa nước Đá Bàn (phần còn lại), xã Ninh Sơn, thị xã Ninh Hòa.	7.138.772.773	7.138.341.000	(431.773)
48	Mua sắm, sửa chữa trang thiết bị; cải tạo, sửa chữa sân vận động 19/8 Nha Trang và Nhà thi đấu 33 Phan Chu Trinh	2.691.170.000	2.683.716.000	(7.454.000)
49	Tu bổ di tích Phủ đường Ninh Hòa.	3.149.949.000	3.167.904.000	17.955.000
50	Xây dựng Nhà đa năng kết hợp phòng bộ môn, kho thiết bị Nguyễn Văn Trỗi.	10.808.179.459	10.805.930.459	(2.249.000)
51	Sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất và xây	10.101.547.618	10.080.273.814	(21.273.804)

STT	Tên dự án	Giá trị CĐT đề nghị quyết toán	Giá trị thẩm tra quyết toán	Chênh lệch
	mới ký túc xá Trường Trung cấp nghề Cam Ranh.			
52	Tu bổ di tích đình Thanh Minh.	1.990.909.531	2.002.257.531	11.348.000
53	Tu bổ di tích đình Thanh Châu.	2.796.872.826	2.812.814.826	15.942.000
54	Tu bổ di tích đình Mỹ Thanh.	1.179.008.184	1.185.728.184	6.720.000
55	Tu bổ di tích Trường Phú Diên Khánh.	1.134.302.600	1.133.924.600	(378.000)
56	Nhà tập luyện thể thao đa năng huyện Trường Sa.	13.553.319.652	13.552.265.057	(1.054.595)
57	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa Trụ sở UBND huyện và Nhà thư viện huyện Trường Sa.	4.689.988.007	4.688.809.000	(1.179.007)
58	Nâng cấp đường tỉnh lộ 702 cũ, xã Vĩnh Hải huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.	28.409.598.318	28.462.820.299	53.221.981
59	Xây mới Trường Mẫu giáo Phước Dinh cơ sở Vĩnh Trường) xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.	190.268.532	190.268.532	-
60	Xây dựng mới kè chắn lũ và kè chắn sóng, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.	883.489.253	883.489.253	-
61	Xây dựng đập tràn ngăn dòng tích nước trên suối thuộc xã Lâm Sơn (Tưới cho hơn 100 ha cây ăn quả).	1.190.356.976	1.188.981.527	(1.375.449)
62	Hệ thống mương thoát nước mặt (thôn Thái An, xã Vĩnh Hải, huyện Ninh Hải).	12.713.334.262	12.734.726.262	21.392.000
63	Xây mới Trường Tiểu học Thái An (cơ sở Mỹ Hòa và Đá Hang) thuộc Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Ngô Quyền, xã Vĩnh Hải, huyện Ninh Hải.	9.135.685.856	9.118.856.856	(16.829.000)
64	Thu trữ nước dưới đất để phát triển nông lâm nghiệp nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh bền vững trên vùng đất khô hạn ven biển Ninh Thuận.	89.973.296.849	89.122.412.763	(850.884.086)